

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN VÀ
PHÁT HÀNH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 07/BC-IPH

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO /ANNUAL REPORT
Thường niên năm 2020/Year

Kính gửi: Quý cổ đông

I. Thông tin chung/General information

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/*Trading name*: Công ty cổ phần In và Phát hành biểu mẫu Thống kê
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.:* 0100111659 đăng ký công ty cổ phần lần đầu ngày 27/8/2019 (đăng ký thay đổi lần thứ 5) và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 16/01/2020 tăng vốn điều lệ lên 10 tỷ đồng).
- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng chẵn)/.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital*: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng).
- Địa chỉ/*Address*: số 47-55 Ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- Số điện thoại/*Telephone*: 024.38343429 - 37751597
- Số fax/*Fax*: 024.37759401
- Website: iphvietnam.com
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: IPH
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).

Công ty cổ phần In và Phát hành biểu mẫu Thống kê được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê theo Quyết định số 292/QĐ-ĐTKDV ngày 21/8/2017 của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước về việc phê duyệt kế hoạch cổ phần hóa và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

Ngày 08/4/2019 Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ký Quyết định số 33/QĐ-ĐTKDV.HĐTV về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

Ngày 10/7/2019, tại trụ sở Công ty đã diễn ra ĐHCĐ lần I thành lập Công ty cổ phần In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

Ngày 27/8/2019 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100111659 (đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 27/8/2019) và cấp con dấu Công ty cổ phần. Ngày 16/01/2020 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100111659 (đăng ký thay đổi lần thứ 6) tăng vốn điều lệ của công ty lên 10 tỷ đồng.

Ngày 27/8/2019 là mốc thời gian để chốt số liệu và lập Báo cáo quyết toán quá trình cổ phần hóa, lập hồ sơ bàn giao doanh nghiệp.

Ngày 10/6/2020 Hội đồng thành viên Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước ký Quyết định số 64/QĐ-ĐTKDV.HĐTV về việc xác định giá trị phần vốn Nhà nước và quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty TNHH một thành viên In và Phát hành biểu mẫu Thống kê.

Công ty cổ phần In và Phát hành biểu mẫu Thống kê chính thức hoạt động từ ngày 28/8/2019 đến nay. Công ty cổ phần đã lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 28/8/2019 đến 31/12/2019 (Báo cáo kiểm toán BCTC từ 28/8/2019 đến 31/12/2019 đã phát hành ngày 30/3/2020 và đã công bố thông tin). Công ty lập Báo cáo thường niên 2019 trên cơ sở số liệu của Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính của kỳ kế toán từ 28/8/2019 đến 31/12/2019.

Năm 2020 Công ty đã lập BCTC cho kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12/2020 (Báo cáo kiểm toán BCTC từ 01/01 đến 31/12/2020 đã phát hành ngày 31/3/2021 và đã công bố thông tin).

Trên cơ sở đó, Công ty lập Báo cáo thường niên 2020 trên cơ sở số liệu của Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính của kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12/2020.

- Các sự kiện khác/ *Other events:*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business lines and locations of the business:*

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines:* (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

In ấn và các dịch vụ liên quan đến in

Kinh doanh giấy các loại.

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

Hà Nội và các tỉnh miền bắc

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ *Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

Công ty có HĐQT, Ban kiểm soát, Ban lãnh đạo, Kế toán trưởng và các phòng ban trực thuộc...

- Cơ cấu bộ máy quản lý/ *Management structure.*

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên

Ban kiểm soát: 03 thành viên

Người đại diện theo pháp luật (01 người) là Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

Công ty không có công ty con.

4. Định hướng phát triển/Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty / *Main objectives of the Company*.

Duy trì và phát triển thương hiệu In Thống kê trong lĩnh vực in ấn và các dịch vụ liên quan đến in.

Kinh doanh giấy các loại.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

Từng bước ổn định, cơ cấu lại bộ máy và mở rộng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh. Cải tạo, sửa chữa nhà xưởng, đưa máy gia công các sản phẩm in vào hoạt động, tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Mở rộng kinh doanh các mặt hàng chính là giấy các loại.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

Vị trí của công ty nằm trong khu vực nội thành tiếp giáp với khu dân cư và Bệnh viện Nhi trung ương. Theo kế hoạch chung của thành phố, các doanh nghiệp sản xuất sẽ di dời ra khu vực ngoại thành để đảm bảo môi trường. Do đó, công ty sẽ tính đến việc dịch chuyển sản xuất (phần việc in ấn) ra khu vực ngoại thành. Trụ sở công ty về trung và dài hạn sẽ làm gia công các sản phẩm sau in (bao bì, vỏ hộp giấy) và văn phòng công ty.

5. *Các rủi ro/Risks*: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

Những ảnh hưởng khách quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty do vị trí của công ty nằm gần Bệnh viện Nhi trung ương, đường xá đi lại ách tắc thường xuyên. Xe chở nguyên vật liệu và thành phẩm ra vào rất khó khăn nên thường phải đi vào buổi tối.

Việc bố trí các ca sản xuất cũng làm theo giờ hành chính, không làm thêm ca vào buổi tối do gần khu dân cư, ảnh hưởng tiếng ồn đến xung quanh.

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Operations in the Year

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

Năm 2020, Công ty triển khai mảng gia công bao bì, vỏ hộp. Tìm kiếm khách hàng, nguồn nguyên vật liệu, đào tạo, tuyển dụng nhân sự. Ngoài ra, công ty cũng mở rộng mảng kinh doanh giấy các loại, gia công cắt, xén theo yêu cầu kích cỡ của khách hàng. Do đó, doanh thu năm 2020 của Công ty có nhiều thay đổi.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/achievement/excess of the targets and against the preceding years*.

Trong năm 2020, các chỉ tiêu đạt được đều hoàn thành kế hoạch và cao hơn năm liền kề trước đó. Do Công ty thực hiện chuyển hướng sản xuất kinh doanh sang gia công mặt hàng bao bì, vỏ hộp và kinh doanh giấy các loại..

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

Hội đồng quản trị:

| TT | Họ tên | Ngày bổ nhiệm | Số lượng cổ phần | Ghi chú |
|----|-----------------------|---------------|------------------|-------------------|
| 1 | Chu Văn Tuấn | 10/7/2019 | 130 | Chủ tịch HĐQT |
| 2 | Trần Bá Trung | 10/7/2019 | 74.000 | |
| 3 | Nguyễn Thế Toàn | 10/7/2019 | 15.800 | |
| 4 | Hoàng Thị Thu Hương | 10/7/2019 | 430 | |
| 5 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 10/7/2019 | 3.600 | kiêm Phó giám đốc |

Ban Kiểm soát

| TT | Họ tên | Ngày bổ nhiệm | Số lượng cổ phần | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------|------------------|---------------------|
| 1 | Bùi Thị Thu Huyền | 10/7/2019 | 0 | Trưởng BKS |
| 2 | Nguyễn Thị Tâm | 16/12/2019 | 0 | Kiểm Kế toán trưởng |
| 3 | Hà Minh Phương | 16/12/2019 | 0 | |

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ (*List the changes in the Board of Management in the year*).

Trong năm không có sự thay đổi trong Ban điều hành

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/*Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies*.

Danh sách CBCNV chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần khi phê duyệt phương án lao động cổ phần hóa công ty là 19 người.

Về cơ bản, chính sách đối với người lao động vẫn giữ nguyên như cũ, không có sự thay đổi nhiều.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/investment activities, project implementation

a) Các khoản đầu tư lớn/Major investments: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết)/specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.

Không có đầu tư

b) Các công ty con, công ty liên kết/Subsidiaries, associated companies: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).

Không có công ty con

4. Tình hình tài chính/Financial situation

a) Tình hình tài chính/Financial situation

| Chỉ tiêu/ Indicators | Năm/ Year X-1 | Năm/ Year X | % tăng giảm/ % change |
|---|----------------|-----------------|--------------------------|
| * Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions: | | | |
| Tổng giá trị tài sản/Total asset | 10,481,418,258 | 26,529,634,403 | |
| Doanh thu thuần/Net revenue | 4,972,664,992 | 146,776,958,982 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities | 41,812,543 | 80,502,430 | |
| Lợi nhuận khác/Other profits | (1,542,578) | 109,375,730 | |
| Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax | 40,812,453 | 189,878,160 | |
| Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax | 31,884,654 | 163,254,446 | |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio | | | |
| * Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions: | | | |
| Tổng giá trị tài sản/Total asset value | | | |
| Doanh thu/Revenus | | | |

| | | | |
|---|------|--------|--|
| + Vòng quay tổng tài sản/ <i>Total asset turnover:</i> | | | |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>) | 0.47 | 5.53 | |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>) | 0.01 | 0.0011 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>) | 0.00 | 0.0160 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>) | 0.00 | 0.0062 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>) | 0.01 | 0.0005 | |

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/For credit institutions and non-bank financial institutions:

| Chỉ tiêu/ Indicators | Năm/ Year X-1 | Năm/ Year X | Ghi chú/Note |
|---|------------------|----------------|--------------|
| 1. Quy mô vốn/ <i>Capital size</i> | | | |
| - Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i> | | | |
| Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i> | | | |
| Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i> | | | |
| 2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i> | | | |
| Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i> | | | |
| Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i> | | | |
| Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i> | | | |
| Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i> | | | |
| Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i> | | | |
| Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i> | | | |
| Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i> | | | |
| Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ <i>Overdue debts/ Total debt Ratio</i> | | | |

| | | | |
|--|--|--|--|
| Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ <i>Bad debt/ Total debt Ratio</i> | | | |
| 3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i> | | | |
| Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i> | | | |
| Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i> | | | |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

Tổng số lượng cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch: 1.000.000 cổ phiếu (*Một triệu cổ phiếu*).

Tổng giá trị cổ phiếu đã được đăng ký giao dịch (theo mệnh giá): 10.000.000.000 đồng (*Mười tỷ đồng*).

Trong đó: 932.736 cổ phiếu được chuyển nhượng tự do

67.264 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật (số cổ phiếu của CBCNV và tổ chức Công đoàn Công ty được mua khi cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước).

Trong số 67.264 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng:

Có 30.464 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 27/8/2022 (số lượng CP của CBCNV mua theo thâm niên công tác và của tổ chức Công đoàn);

Có 800 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 27/8/2023 (mua theo cam kết làm việc 04 năm tại Công ty cổ phần)

Có 36.000 cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng đến ngày 27/8/2029 (mua theo cam kết làm việc 10 năm tại công ty cổ phần).

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and Individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

Về cơ cấu cổ đông của Công ty như sau:

Tổng số cổ đông là 32 cổ đông sở hữu 1.000.000 cổ phiếu.

Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu cổ phiếu từ 5% trở lên; tỷ lệ sở hữu cổ phiếu dưới 5% là cổ đông nhỏ.

Cổ đông là tổ chức: có 01 tổ chức là tổ chức Công đoàn của Công ty

Còn lại 31 cổ đông là cổ đông cá nhân.

Toàn bộ 32 cổ đông đều là cổ đông trong nước, không có cổ đông nước ngoài.

Không có cổ đông nhà nước.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị *cấp*)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

Ngày 16/12/2019 tại ĐHĐCĐ bất thường của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phần tăng vốn điều lệ. Kết quả, công ty đã chào bán riêng lẻ 794.505 cổ phiếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Giá trị thu được (theo mệnh giá) là 7.945.050.000 đồng.

Vốn điều lệ của Công ty từ 2.054.950.000 đồng tăng lên 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng)/.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/ *Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

Công ty không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

Trong năm Công ty không có đợt phát hành chứng khoán nào khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/ *Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ *Management of raw materials*:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the*

manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

Nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất chủ yếu là vật liệu giấy, mực in

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.*

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly.*

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp của Công ty là nguồn điện cho sản xuất và văn phòng làm việc của Công ty. Bình quân 3.700 kw/tháng.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Năng lượng tiết kiệm được bằng việc thay thế các bóng đèn thấp sáng bằng đèn led, tắt các thiết bị tiêu thụ điện khi không dùng đến.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Nguồn cung cấp nước sạch cho công ty là nước sạch của TP Hà Nội, lượng tiêu thụ bình quân 102 m³/tháng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused.*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.*

Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.* Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/*Number of employees, average wages of workers.*

Số lượng lao động bình quân năm 2020 là 15 người

Tiền lương bình quân là 07 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.*

Đảm bảo giờ làm, bảo hộ, và các chính sách phúc lợi theo quy định của pháp luật và luật Lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Employee training*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff*

Công ty chưa có chương trình đào tạo

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.*

Không có chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục...

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/*The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.*

Công ty không có các hoạt động đầu tư và phát triển cộng đồng

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.

DN là công ty cổ phần hóa đang giao dịch trên sàn Upcom, chưa đủ điều kiện đại chúng nên không thuộc đối tượng quản lý của UBCKNN

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

Trong thời gian đầu, kể từ khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động việc sản xuất kinh doanh gặp không ít khó khăn: Máy móc thiết bị đều cũ, hỏng (đã hết khấu hao, ít sử dụng...), khách hàng lớn không còn, nguồn việc ngày càng ít, cơ sở hạ tầng nhà xưởng, văn phòng làm việc xuống cấp, lao động xin nghỉ việc...

Theo Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần ngày 27/8/2019, kết quả sản xuất kinh doanh tại đơn vị đang lỗ 862.582.521 đồng (trong thời gian từ 01/01/2018 đến 27/8/2019). Số lỗ này, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (SCIC) đã xem xét, đánh giá do nguyên nhân khách quan nên đã được Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ Tài chính hoàn khoản lỗ này cho Công ty từ nguồn tiền bán cổ phần hóa mà Công ty đã nộp về quỹ.

Năm 2020, Công ty đã cố gắng tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn, từng bước cơ cấu lại doanh nghiệp để ổn định và hoạt động. Kết quả, theo Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính từ 01/01 đến 31/12/2020 đơn vị có lãi 163.254.446 đồng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được/*The Company's achievements.*

2. Tình hình tài chính/Financial Situation

a) Tình hình tài sản/Assets

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

Khi công ty cổ phần tiếp quản và hoạt động, tài sản là máy móc thiết bị đều đã hết khấu hao, cũ, hỏng ảnh hưởng nhiều đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Về nhà xưởng đều đã xuống cấp: nhà cấp 4, mái tôn thủng, dột, nền nhà sứt, lún... gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

Công ty không có các khoản nợ lớn, nợ ngân hàng.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

Không có nợ xấu, nợ quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.

Bước đầu công ty có 1 số thay đổi nhỏ mang tính thử nghiệm về cơ cấu tổ chức, vị trí công việc cho phù hợp trong điều kiện mới. Về cơ bản chưa có những chuyển biến lớn.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future

Theo kế hoạch của thành phố đến hết năm 2020, đơn vị phải di dời xưởng sản xuất ra ngoại thành. Do đó, đơn vị cũng đang hướng đến việc tìm địa điểm ở ngoại thành để chuyển xưởng sản xuất. Tại địa điểm trụ sở công ty sẽ cải tạo, sửa lại làm văn phòng công ty và gia công mặt hàng vỏ hộp, bao bì giấy...

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/
Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/Assessment concerning the labor issues

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/Assessment concerning the corporate responsibility for the local community

Vị trí của công ty gần khu dân cư nên các hoạt động với cộng đồng và quan hệ với phường sở tại cũng rất được chú ý. Tham gia các hoạt động từ thiện ở địa phương, hỗ trợ các quỹ tình thương, quỹ trẻ thơ... của tổ dân phố khu dân cư ...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.

Trong thời gian ngắn công ty cổ phần đi vào hoạt động, về cơ bản công ty không gây ảnh hưởng đến môi trường và xã hội.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management s performance

Thời gian đầu, chưa hoàn thiện về cơ cấu tổ chức của Ban giám đốc (chưa có Giám đốc công ty). Người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch HĐQT

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors

Từng bước kiện toàn về cơ cấu tổ chức, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, mở rộng quy mô, tăng nguồn việc, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

V. Quản trị công ty/Corporate governance

Công ty không phải là tổ chức niêm yết

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác/(The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained*).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/ *Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right.*

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions

Ý kiến kiểm toán đã được công bố thông tin cùng Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/ đến 31/12/2020.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/*Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*).

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12/2020 được Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội phát hành ngày 31/3/2021, đã được công ty công bố thông tin tới HNX, VSD và trên website của Công ty từ 31/3/2021.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



CHỦ TỊCH HĐQT
Chu Văn Tuấn